TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn.
2. Bà Ngô Thị Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Bế Thị Th,** Sinh năm 1998. Có mặt*

Trú quán: Thôn K – Xã TL – Huyện LN – Bắc Giang.

*Bị đơn: Anh **Trần Hồng S** – Sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Trú quán: Thôn K – Xã TL – Huyện LN – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Bế Thị Th, lời khai của bị đơn anh Trần Hồng S và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Bế Thị Th và anh Trần Hồng S kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2016. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị Th anh S có đến Ủy ban nhân dân xã TL, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị Th, anh S về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh S tại thôn K – Xã TL – Huyện LN – Bắc Giang.

Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị Th và anh S đều cho rằng hai bên chung sống với nhau có xảy ra một số mâu thuẫn như bất đồng quan điểm sống, chưa tìm hiểu nhau kỹ, thỉnh thoảng xảy ra xô xát cãi nhau làm cho cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay chị Th anh S sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị Th xác định đình cảm với anh S không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S. Anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị Th anh mong muốn chị Th suy nghĩa về đoàn tụ nên anh chưa đồng ý ly hôn. Nếu chị Th kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th anh S có 01 con chung là cháu Trần Đức L - Sinh ngày 18/06/2017. Khi ly hôn chị Th anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lương. Không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th anh S đều xác nhận vợ chồng anh chị không tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyện nội dung đơn khởi kiện ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S và giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Đức Lương. Anh S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm

phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị Th.

Cho chị Bế Thị Th được ly hôn với anh Trần Hồng S.

Giao cho chị Bế Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Đức Lương - Sinh ngày 18/06/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Bế Thị Th khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Trần Hồng S. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho chị Th anh S. Anh S chị Th cũng đã có bản khai trình bày với Tòa án. Anh S có đơn xin từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy Tòa án không thể tiến hành các

thủ trên và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th anh S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2016 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện LN, tỉnh BG. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Chị Th đề nghị giải quyết ly hôn anh S chưa đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị Th kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng anh S. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th anh S mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Th đối với anh S. Cho chị Th được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị Th anh S có 01 con chung là cháu Trần Đức L – Sinh ngày 18/06/2017. Khi ly hôn chị Th và anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng chắm sóc cháu L và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Đức L là con chung duy nhất của chị Th và anh S. Do vậy chị Th và anh S đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục để cháu Lương phát triển trưởng thành có ích cho gia đình và xã Hội. Tuy nhiên hiện nay cháu L còn rất nhỏ mới được 19 tháng tuổi vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy cần giao cháu L cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th anh S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Bế Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227,; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị Th.

1.Cho chị Bế Thị Th được ly hôn với anh Trần Hồng S.

2. Về con chung: Giao cho chị Bế Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Đức L – Sinh ngày 18/06/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Trần Hồng S được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh S thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bế Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005103 ngày 25/9/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã TL, huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Phan Văn Thể